

Số : 993-25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 1/ Địa điểm lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 2/ Địa chỉ:** Lô B3a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè,
Tp. Hồ Chí Minh
- 3/ Thời gian lấy mẫu:** 11/06/2025
- 4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:** 208-1.25.KT1. Khí thải hệ thống lọc bụi bòn sử dụng hàng ngày
tại khu vực sản xuất tấm thạch cao của dây chuyền số 2
(Thiết kế 6.000m³/h) (X=1176513; Y=609338)
- 5/ Ký hiệu mẫu:** 25-KT-202
- 6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h
2	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =0,8 và Kv = 1
1	Lưu lượng	m ³ /h	6.057	
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	3	160

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận;

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Phan Hoàng Nguyên

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC****TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET**

Vũ Thanh Tâm

Số : 994-25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 1/ Địa điểm lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 2/ Địa chỉ:** Lô B3a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
- 3/ Thời gian lấy mẫu:** 11/06/2025
- 4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:** 208-1.25.KT2.Khí thải hệ thống lọc bụi mixer tại khu vực sản xuất tấm thạch cao của dây chuyền số 2 (Thiết kế 3.500m³/h) (X=1176510; Y=609341)
- 5/ Ký hiệu mẫu:** 25-KT-203
- 6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h
2	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

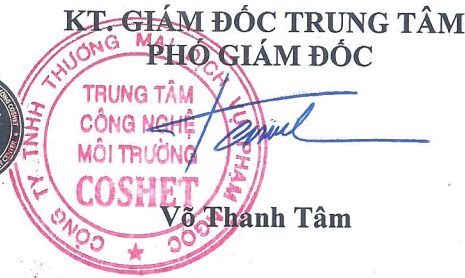
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	2.881	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 0,8 và K _v = 1
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	8	160

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận;*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Phan Hoàng Nguyên



Võ Thanh Tâm

Số : 995-25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 1/ Địa điểm lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 2/ Địa chỉ:** Lô B3a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè,
Tp. Hồ Chí Minh
- 3/ Thời gian lấy mẫu:** 11/06/2025
- 4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:** 208-1.25.KT3.Khí thải hệ thống lọc bụi bột thạch cao
tại khu vực sản xuất tấm thạch cao của dây chuyền số 2
(Thiết kế 4.500m³/h) (X=1176505; Y=609343)
- 5/ Ký hiệu mẫu:** 25-KT-204
- 6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h
2	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =0,8 và Kv = 1
1	Lưu lượng	m ³ /h	944	
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	2	160

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận;*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Phan Hoàng Nguyên

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Thanh Tâm

Số : 1020-25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 1/ Địa điểm lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 2/ Địa chỉ:** Lô B3a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
- 3/ Thời gian lấy mẫu:** 12/06/2025
- 4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:** 211-1.25.KT1.Khí thải hệ thống lọc bụi Gypsum tại khu vực nghiền dây chuyền số 2 (Thiết kế 2.500m³/h) (X=1176519;Y=609292)
- 5/ Ký hiệu mẫu:** 25-KT-211
- 6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h
2	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	776	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 0,8 và K _v = 1
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	2	160

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận;

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Phan Hoàng Nguyên



Số : 1021-25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 1/ Địa điểm lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 2/ Địa chỉ:** Lô B3a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè,
Tp. Hồ Chí Minh
- 3/ Thời gian lấy mẫu:** 12/06/2025
- 4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:** 211-1.25.KT2.Khí thải hệ thống lọc bụi chính
tại khu vực nghiền của dây chuyền số 2 (Thiết kế 98.000m³/h)
(X=1176524;Y=609300)
- 5/ Ký hiệu mẫu:** 25-KT-212
- 6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h
2	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	28.704	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 0,8 và K _v = 1
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	2	160

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận;*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Phan Hoàng Nguyên

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET**

Võ Thanh Tâm

Số : 1022-25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 1/ Địa điểm lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 2/ Địa chỉ:** Lô B3a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè,
Tp. Hồ Chí Minh
- 3/ Thời gian lấy mẫu:** 12/06/2025
- 4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:** 211-1.25.KT3.Khí thải hệ thống lọc bụi hệ thống tuần hoàn
bụi thạch cao tại khu vực nghiền của dây chuyền số 2
(Thiết kế 2.000m³/h) (X=1176510;Y=609297)
- 5/ Ký hiệu mẫu:** 25-KT-213
- 6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h
2	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =0,8 và K _v = 1
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.691	
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	116	160

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận;*

KPH: Không phát hiện(<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Phan Hoàng Nguyên

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Thanh Tâm

Số : 1033-25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 1/ Địa điểm lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 2/ Địa chỉ:** Lô B3a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
- 3/ Thời gian lấy mẫu:** 13/06/2025
- 4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:** 215-1.25.KT1. Khí thải hệ thống lọc bụi bông chứa thạch cao tại khu vực nghiền của dây chuyền số 2 (Thiết kế 65.000m³/h) (X=1176546; Y=609317)
- 5/ Ký hiệu mẫu:** 25-KT-216
- 6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h
2	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 0,8 và K _v = 1
1	Lưu lượng	m ³ /h	56.033	
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	1	160

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận;*
KPH: Không phát hiện (<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Phan Hoàng Nguyễn

Số : 1034-25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 1/ Địa điểm lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 2/ Địa chỉ:** Lô B3a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè,
Tp. Hồ Chí Minh
- 3/ Thời gian lấy mẫu:** 13/06/2025
- 4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:** 215-1.25.KT2.Khí thải hệ thống lọc bụi khu cắt nhỏ thành phẩm
tại khu vực cắt nhỏ thành phẩm (Thiết kế 8.500m³/h)
(X=1176575;Y=609556)
- 5/ Ký hiệu mẫu:** 25-KT-217
- 6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h
2	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	4.818	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =0,8 và K _v = 1
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	KPH	160

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận;*

KPH: Không phát hiện(<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Phan Hoàng Nguyên



Số : 1035-25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 1/ Địa điểm lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
- 2/ Địa chỉ:** Lô B3a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè,
Tp. Hồ Chí Minh
- 3/ Thời gian lấy mẫu:** 13/06/2025
- 4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:** 215-1.25.KT3. Khí thải hệ thống lọc bụi Dryend
tại khu vực sản xuất tấm thạch cao của dây chuyền số 2
(Thiết kế 9.000m³/h) (X=1176554; Y=609360)
- 5/ Ký hiệu mẫu:** 25-KT-218
- 6/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h
2	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	7.950	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 0,8 và K _v = 1
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	KPH	160

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận;*

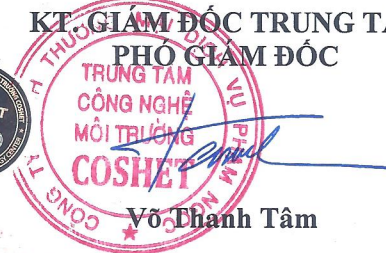
KPH: Không phát hiện (<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Phan Hoàng Nguyên

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Thanh Tâm

Số : 1036-25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH KNAUF VIỆT NAM
2/ Địa chỉ: Lô B3a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
3/ Thời gian lấy mẫu: 13/06/2025
4/ Mã số mẫu/Loại mẫu: 215-1.25.NT.Nước thải hồ ga đầu nổi nước thải với KCN (X=1176371;Y=609362)
5/ Ký hiệu mẫu: 25-NT-340

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	Giới hạn tiếp nhận KCN Hiệp Phước	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(25,7 ⁰ C)	-	6,61	2÷12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	5	1,5	100	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	13	2,0	150	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	KPH	1,0	50	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nitơ**	mg/L	1,5	1,50	40	TCVN 6638:2000
6	Tổng phot pho (tính theo P)**	mg/L	0,108	0,016	6	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)**	mg/L	0,295	0,010	10	TCVN 6179-1:1996
8	Dầu, mỡ khoáng*	mg/L	KPH	0,3	10	SMEWW 5520.B&F:2023
9	Coliform*	MPN/100mL	4.600	2	5.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận; **KPH:** Không phát hiện (< MDL)**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC****PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Phan Hoàng Nguyên

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM****PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Võ Thanh Tâm

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/4